



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	01	1	4,6	01	Huy	HP Lê
2	000002	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01	2	8,0	01	P.Anh	chấn
3	000003	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01	3	7,0	01	Anh	Lê
4	000004	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01	4	9,6	01	Anh	chấn
5	000005	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01	5	1,8	01	Bộ	le?
6	000006	1101080510	Phạm Hải	Đặng	23/02/2005	TM11A	01	6	2,7	01	Đặng	chấn
7	000007	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01	7	3,7	01	Duyên	le
8	000008	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01	8	8,0	01	Hà	chấn
9	000009	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01	9	4,7	01	Hà	le
10	000010	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01	10	7,0	01	Hằng	chấn
11	000011	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01	11	2,5	01	Hiếu	Lê
12	000012	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01	12	7,5	01	Huyền	chấn
13	000013	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01	13	2,5	01	Huyền	le
14	000014	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01	14	7,3	01	Lan	chấn
15	000015	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01	15	8,6	01	Linh	le
16	000016	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01	16	6,5	01	Linh	chấn
17	000017	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01	17	8,5	01	Linh	le
18	000018	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01	18	8,5	01	Linh	chấn
19	000019	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	01	19	6,8	01	Khánh	Lê
20	000020	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01	20	7,0	01	Linh	chấn
21	000021	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01	21	4,1	01	Lý	le
22	000022	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01	22	3,6	01	Mai	chấn
23	000023	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	01	23	6,8	01	Quỳnh	le
24	000024	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01	24	7,8	01	Quỳnh	chấn
25	000025	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01	25	1,7	1	Thái	le
26	000026	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01	26	2,8	1	Thành	chấn
27	000027	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01	27	5,1	1	Thùy	le
28	000028	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	01	28	6,8	1	Tới	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01	29	8,0	01	Trang	Lê
30	000030	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01	30	4,0	01	Trang	Chấn
31	000031	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01	31	7,5	01	Trung	Lê
32	000032	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01	32	6,6	01	Tuấn	Chấn
33	000033	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	01	33	7,8	01	Yến	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 09.... tháng 1... Năm 2026²

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Uyên

Trang
Đường Thị Trang